

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/HNGĐ-ST
Ngày 22/11/2021
V/v: *Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Bà: Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Bích T, sinh năm 1978 (Có mặt)

Trú tại: Số 4, ngách 34, ngõ 54, M, phường V, quận H, TP Hà Nội

Bị đơn: Anh Lê Đức D, sinh năm 1981 (Vắng mặt lần thứ 2)

Trú tại: thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Thủy trình bày: Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND

phường V, quận H, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp. Chị và anh D đã sống ly thân đã 09 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là Lê Linh N, sinh ngày 30/5/2012, hiện con chung đang ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh D đến Tòa án làm việc, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không thể hiện quan điểm bằng văn bản, chỉ thể hiện quan điểm bằng miệng và nguyện vọng muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử và nghị án đều đúng quy định của pháp luật, việc bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị T được ly hôn anh D. Về con chung: Giao con là Lê Linh N, sinh ngày 30/5/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, chị T phải chịu án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi bổ sung gì. Bị đơn là anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các văn bản tổng đạt

cho anh D, các văn bản niêm yết và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt vì vậy căn cứ Điều 228, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị T và anh D là hợp pháp, trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị T và anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị T được ly hôn anh D.

[3]. Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là Lê Linh N, sinh ngày 30/5/2012. Xét thấy hiện nay con chung đang ở với chị T, chị T có nguyện vọng nuôi con chung và cháu N có đơn xin ở với mẹ. Vì vậy cần thiết giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là sự tự nguyện nên cần chấp nhận

[4]. Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân

sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Bích T được ly hôn anh Lê Đức D.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Linh N, sinh ngày 30/5/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh D có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003864 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Y, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí, chị T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy.
- THADS huyện Thái Thụy.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- UBND phường Vĩnh Tuy
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Thế Tương